TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST
Ngày 19 - 5 - 2023
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và trao đổi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Khang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 547/2022/TL-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và trao đổi tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa:

*1.Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Ch, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Y là ông Ng1 Văn Nh, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2022) (có mặt).

2.Bị đơn có phản tố: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt)

3.Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968

3.2. Nguyễn Trọng Ngh, sinh năm 1990

3.3. Hồ Thị Mỹ Y1, sinh năm 1992

3.4. Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1993

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngh, bà Y1, bà Th và bà Đ là ông Nguyễn Văn L. Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (

Theo văn bản ủy quyền số 1439 ngày 31/3/2023, theo văn bản ủy quyền số 1440 ngày 31/3/2023) (có mặt).

3.5. Nguyễn Như Ng, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (có yêu cầu độc lập)

3.6. Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (có yêu cầu độc lập)

3.7. Nguyễn Th L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (có yêu cầu độc lập)

3.8. Nguyễn Thị S, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (có yêu cầu độc lập).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Tr và bà Ng là bà Nguyễn Thị S (Theo các văn bản ủy quyền số 1534, 1535 và 1534 ngày 30/3/2023) (có mặt).

3.9. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có yêu cầu độc lập) (có mặt).

3.10. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 11 năm 2022 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Y do ông Ng1 Văn Nh đại diện trình bày:

Cha ông Nguyễn Văn Y tên Nguyễn Văn S1 chết năm 1966 và mẹ ông Y tên Phạm Thị K chết năm 2020. Cha mẹ có 05 người con tên: 1/ Nguyễn Thị Kim Ch chết lúc nhỏ (hơn 4 tuổi); 2/ Nguyễn Văn Ng1 chết 2010 (ông Ng1 có vợ tên Nguyễn Thị S và 03 đứa con tên Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr và Nguyễn Thị Th L); 3/ Nguyễn Văn Y; 4/ Nguyễn Thị Th1; 5/ Nguyễn Văn L. Cha mẹ ông Y không ai có con riêng. Mẹ ông Y trước khi chết có phần chia quyền sử dụng đất cho các con xong mỗi người cụ thể: ông Nguyễn Văn Y được hưởng 26 cao tại Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An hiện nay ông Y đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong; bà Th1 được phân chia 25 cao tại Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Nguyễn Văn L được phân chia quyền sử dụng đất 30 cao đất ruộng và 13 cao đất Thổ tọa lạc ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Ông Nguyễn Văn Ng1 được chia 10 cao đất ở xã T cũng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong và bà K cũa cho ông Ng1 một số tiền mua 30 cao đất ở Đức Huệ hiện nay bà S và các con đang ở tại ấp 5,

xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị K trước khi chết còn đứng tên tài sản quyền sử dụng đất có nguồn gốc do bà tự tạo lập gồm các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích 3.723m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà K đứng tên được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/1996. Ngoài ra bà bà Phạm Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 21.193m^2 đất ở xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thuộc thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005. Bà Phạm Thị K chết không để lại di chúc. Hiện nay đất này đều do Nguyễn Văn L quản lý sử dụng. Sau khi bà K chết anh em của ông Y có ngồi lại thương L phân chia nhưng ông L không đồng ý. Nay ông Y yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K chết để lại làm 04 phần bằng nhau cho mỗi người 01 phần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L có yêu cầu phản tố và ông L đại diện vợ con của ông tên Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Trọng Ngh, Hồ Thị Mỹ Y1, Nguyễn Thị Thu Th trình bày: ông thống nhất về mối quan hệ huyết thống giữa ông với ông Ng1, bà Th1 và ông Y như người đại diện của ông Y trình bày là đúng. Còn về quyền sử dụng đất là mẹ ông trước khi chết có phân chia cho anh em của ông xong và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông Y nêu là đúng. Mẹ ông bà Phạm Thị K trước khi chết có đứng tên các thửa đất như thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và hơn 02 ha đất ở huyện Đức Huệ thuộc thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là đúng. Ngoài ra mẹ ông khi chết còn để lại được 02 L vàng 9999 ông giữ và trang trải tiền ma chay mồ mã cho mẹ ông xong không còn. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y nêu trên thì ông có ý kiến:

Đất thửa 109 tờ bản đồ số 01 xã T, huyện Đức Hòa thì theo lời di nguyện của mẹ ông là dùng vào việc thờ cúng cậu ông tên Phạm Văn L (em của mẹ là liệt sĩ); thửa 89 là phần thờ cúng cha là ông Nguyễn Văn S1, thửa 96 là phần thờ cúng người em gái chết lúc nhỏ tên Ch và dùng vào làm thổ mộ. Ông là người thờ cúng cậu L, thờ cúng em Ch, thờ cúng cha nên ông phải là người thừa hưởng toàn bộ các thửa đất 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Phần đất ở huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là hơn 02 ha, phần của ông là 01 ha công sức gìn giữ khai phá, phần còn lại 01 ha chia đều thành 05 kỷ phần bằng nhau cho mẹ ông bà Phạm Thị K 01 phần, vợ con ông Ng1 01 phần, ông Y 01 phần, ông 01 phần và bà Th1 01 phần. Ông là người thờ cúng mẹ nên ông lãnh phần của mẹ, phần của bà Th1 trước đây đã bán cho ông bằng 01 trị giá con bò

nên ông được hưởng 03 phần. Như vậy đất ở Đức Huệ ông được hưởng 1,6ha, chia cho ông Y 20 cao, chia vợ con ông Ng1 20 cao.

Người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan bà Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L và Nguyễn Thị S có yêu cầu độc lập, bà S đại diện cho các con Như Ng, Bảo Tr Th L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Y về việc mối quan hệ huyết thống giữa chồng bà là ông Nguyễn Văn Ng1 với ông Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Th1. Bà xác định chồng bà được mẹ chồng là bà Phạm Thị K trước khi chết có chia 10 cao đất xã T và tiền để mua 30 cao đất ở Đức Huệ là đúng. Đồng thời các anh em khác cũng được mẹ chồng cho quyền sử dụng đất trước khi chết và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông Y nêu là đúng. Nay mẹ chồng bà là bà Phạm Thị K chết còn để lại quyền sử dụng đất các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích 3.723m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà K đứng tên được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/1996. Ngoài ra bà Phạm Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 21.193m^2 đất ở xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thuộc thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005. Toàn bộ số đất này hiện nay do ông L đang quản lý sử dụng. Bà và bà đại diện con của bà yêu cầu ông L phải chia cho mẹ con bà ¼ diện tích quyền sử dụng đất nói trên. Bà cũng không đồng ý với Y cầu phản tố của ông L nêu trên.

Người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà xác định mối quan hệ huyết thống giữa bà với ông Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Ng1 như ông Y trình bày nêu trên là đúng. Bà được mẹ bà trước khi chết có cho được 25 cao đất và 01 con bò bà đã nhận xong. Các anh em của bà cũng được mẹ cho đất trước khi chết như lời trình bày của ông Y nêu trên là đúng. Nay mẹ bà là Phạm Thị K chết còn để lại quyền sử dụng đất các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích 3.723m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ bà (bà K) đứng tên được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/1996. Ngoài ra bà bà Phạm Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 21.193m^2 đất ở xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thuộc thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L phải

chia cho bà ¼ diện tích đất nói trên. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc:

1/ Đất thửa 109 tờ bản đồ số 01 xã T, huyện Đức Hòa thì dùng vào việc thờ cúng cậu ông tên Phạm Văn L (em của mẹ là liệt sĩ); thửa 89 thờ cúng cha là ông Nguyễn Văn S1, thửa 96 là phần thờ cúng người em gái chết lúc nhỏ tên Chi và dùng vào làm thổ mộ nên ông L được hưởng toàn bộ 03 thửa đất này là bà không đồng ý.

2/ Phần đất ở huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là hơn 02 ha, ông L cho rằng phần của ông là 01 ha công sức gìn giữ khai phá bà không đồng ý vì đây là đất thuộc từ trước đến nay lúc còn sống do mẹ bà quản lý sử dụng.

3/ Phần còn lại 01 ha chia đều thành 05 kỷ phần bằng nhau cho mẹ bà Phạm Thị K 01 phần, vợ con ông Ng1 01 phần, ông Y 01 phần, ông L 01 phần và bà 01 phần. Ông L cho rằng ông là người thờ cúng mẹ Phạm Thị K nên ông L lãnh phần đất của mẹ, phần của bà 01 phần thì ông L cho rằng trước đây đã hoán đổi cho ông L bằng 01 trị giá con bò nên ông được hưởng 03 phần. Vấn đề này bà không đồng ý. Bởi vì cha mẹ chết, anh em có 04 người thì phân chia mỗi người một lễ giỗ, không đồng ý giao cho ông L cúng giỗ cha, mẹ, cậu và em gái rồi hưởng hết đất của mẹ.

4/ Bà không đồng ý về lời trình bày của ông L cho rằng bà bắt con bò của ông L năm 2009, để bà giao đất mẹ bà cho 25 cao ở huyện Đức Huệ nay là phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Bởi vì đến thời điểm mẹ bà chết thì mẹ bà vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất chưa cho bà đất ở Đức Huệ thì không có căn cứ gì chứng tỏ bà đổi đất với ông L.

Người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan Huỳnh Văn B trình bày: Đoạn ghi âm do ông L tổ chức ghi âm đúng là giọng nói của ông nhưng đây là đoạn ghi âm trong lúc ông say rượu, không tỉnh táo, ông không Bết nói gì. Còn về đất bên vợ phân chia thế nào ông không Bết.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày: không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của ông L nêu trên.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát Bểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư k, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Các đương sự thống nhất về nguồn gốc đất là của bà K để lại, đồng thời căn cứ vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các đương sự cung cấp để thể hiện thửa đất số 109, 89, 96, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện Đức Hòa và thửa 1566, 1650, tờ bản đồ số 3, xã M, huyện Đức Huệ do bà K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có đủ căn cứ xác định các thửa đất nêu trên là do bà K chết để lại.

Ông L cho rằng các thửa đất 109, 89, 96 là phần đất dành để cúng giỗ cho cậu, cha và em của ông, vì vậy ông L yêu cầu công nhận các thửa đất này cho ông để làm đất hương quả. Tuy nhiên, yêu cầu của ông L không được các đồng thừa kế còn lại đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không cung cấp chứng cứ để chứng minh khi còn sống, bà K giao cho ông L các phần đất này làm đất hương quả; không cung cấp được chứng cứ chứng minh các thửa đất này đã được các anh chị em trong gia đình (đồng thừa kế) thống nhất phân chia để ông L được hưởng hoặc nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông L đối với phần đất này.

Đối với thửa đất số 1566, 1650, các đương sự đều thừa nhận là di sản của bà K để lại chưa chia nên có căn cứ để phân chia di sản thừa kế hai thửa đất này theo yêu cầu của các đương sự. Ông L cho rằng trước đây (khoảng năm 2009) bà Th1 có đổi phần đất bà Th1 được hưởng (thuộc kỷ phần của thửa đất số 1566, 1650) để lấy của ông L 01 con bò. Tuy nhiên, vấn đề này không được bà Th1 thừa nhận có việc hoán đổi đất để lấy bò; ông L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho sự việc này nên không có cơ sở để xem xét.

Từ các chứng cứ trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế các thửa đất số 109, 89, 96, 1566, 1650 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do ông L là người có công sức trong việc quản lý, gìn giữ làm tăng giá trị đất trong thời gian dài nên đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét cho ông L được hưởng kỷ phần nhiều hơn. Căn cứ vào các thửa đất mà các đương sự được phân chia, đứng tên trên giấy chứng nhận, hiện đang canh tác đất liền kề, đề nghị HĐXX xem xét phân chia quyền sử dụng đất cho các đương sự để thuận tiện cho việc canh tác đất. Đối với thửa đất số 96, trên đất có các Ng1i mộ của những người trong gia đình, đề nghị HĐXX xem xét giao phần đất này cho người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, là người lo việc thờ cúng, trông nom phần đất này.

Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế, không chấp nhận yêu cầu phản tố về công nhận phần đất hương quả, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố chia

di sản thừa kế, chấp nhận yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất như hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L và Nguyễn Thị S; Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Văn Y và ông Nguyễn Văn L nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và trao đổi tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có thường trú tại xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Y được xác định là nguyên đơn, Nguyễn Văn L được xác định là bị đơn có phản tố; bà Nguyễn Như Ng, ông Nguyễn Bảo Tr, bà Nguyễn Th L, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Th1 được xác định là người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Trọng Ngh, Hồ Thị Mỹ Y1, Nguyễn Thị Thu Th và Huỳnh Văn B được xác định là người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện thừa kế: Cụ Phạm Thị K chết năm 2020 là người để lại di sản nên đối chiếu Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 nên nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế được là còn trong thời hiệu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn Y, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Như Ng, ông Nguyễn Bảo Tr, bà Nguyễn Th L, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Th1 có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Người thừa kế: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất cụ Phạm Thị K được các bên đương sự thừa nhận tại phiên tòa là: Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Th1 và Nguyễn Văn Ng1 (chết) có vợ và con là (bà Nguyễn Như Ng, ông Nguyễn Bảo Tr, bà Nguyễn Th L, bà Nguyễn Thị S) là phù hợp Điều 651 Bộ luật dân sự.

[1.4] Chứng cứ, Ngh vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông Y, bà Th1 cùng với vợ con ông Ng1 gồm: bà Nguyễn Như Ng, ông Nguyễn Bảo Tr, bà Nguyễn Th L, bà Nguyễn Thị S yêu cầu chia thừa kế di sản cụ Phạm Thị K chết để lại gồm các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích đo đạc thực tế tại thửa 89 là 1.181m^2, thửa 96 diện tích 823,7m^2, thửa 109 diện tích 2.296m^2. Loại

đất Lúa. Giấy chứng nhận do cụ Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 15/4/1996; các thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005 qua đo đạc thực tế có diện tích 20.270.9m^2 loại đất LUA. Các nguyên đơn có xuất trình giấy chứng tử cụ Phạm Thị K; giấy khai sinh ông Y và bà Th1, giấy chứng tử ông Ng1. Tòa án có thu thập thêm hồ sơ cấp giấy bà K, bản vẽ và chứng thư định giá.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện, người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015, Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập Bên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự xác định đã tiếp nhận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[1.5]. Về việc yêu cầu xét xử vắng mặt: Ông Huỳnh Văn B có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Y, bà Th1, bà S cùng các con tên Tr, L và Ng về việc xin chia thừa kế di sản cụ K chết để lại các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có diện tích đo đạc thực tế tại thửa 89 là 1.181m^2, thửa 96 diện tích 823,7m^2, thửa 109 diện tích 2.296m^2. Loại đất Lúa. Giấy chứng nhận do cụ Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 15/4/1996; các thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005 qua đo đạc thực tế có diện tích 20.270.9m^2 loại đất LUA. Hội đồng xét xử thấy rằng cụ K trước khi chết đã phân chia quyền sử sử dụng đất cho các con mỗi người một phần như các đương sự thừa nhận tại phiên tòa là Nguyễn Văn Y được hưởng 26 cao, bà Th1 25 cao và 01 con bò, ông L 30 cao đất ruộng và 13 cao đất thổ; bà S và các con 10 cao đất ở T và bà K cho tiền mua 30 cao đất ở huyện Đức Huệ. Phần còn lại là di sản của cụ K còn lại sau khi chết nên thuộc di sản thừa kế. Cụ K chết không để lại di chúc nên di sản của cụ K được chia theo pháp luật.

[2.2].Xét yêu cầu ông L thì ông yêu cầu toàn bộ các thửa đất 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của ông để ông dùng làm Ngh địa thửa 96 và thờ cúng người em tên Chi, thửa 109 thờ

cúng cậu, thửa 89 thờ cúng cha; thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An phần của ông ½ diện tích là khoảng 1ha, phần còn lại 01ha chia 05 phần cho ông 01 phần, mẹ ông 01 phần ông thờ cúng mẹ nên ông hưởng, bà Th1 01 phần bà Th1 đổi bò ông nên ông hưởng, chi ông Ng1 01 phần, ông Y 01 phần. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông L xin hưởng toàn bộ diện tích các thửa 109, 89, 96 – TBĐ 01 T và một phần thửa 1566, 1650 – TBĐ 03 M Đức Huệ diện tích 2000m^2 để thờ cúng cha, mẹ, cậu, em gái và dùng làm Ngh địa nhưng không được ông Y, bà Th1, bà S và các con bà S chấp nhận nên không được xem xét.

[2.3]. Ông L cho yêu cầu được nhận công sức của ông tương ứng ½ diện tích đất các thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An với diện tích 10.135,4m2. Loại đất LUA nhưng không được ông Y, bà Th1, bà S và các con bà S chấp nhận nên không được xem xét. Tuy nhiên khi phân chia quyền sử dụng đất thừa kế của cụ K chết để lại cũng cần xem xét phần công sức đóng góp của ông L cho phù hợp.

[2.4]. Ông L yêu cầu được nhận được kỷ phần thừa kế đất của bà Th1 diện tích 2.027m^2 thuộc phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vì ông cho rằng bà Th1 nhận của ông 01 con bò cái năm 2009 bà Th1 hứa giao lại phần đất bà K cho tại huyện Đức Huệ khoảng 25 cao cho ông. Lời trình bày của ông L không được bà Th1 thừa nhận. Ngoài ra ông L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh rằng có sự thỏa thuận hoán đổi bò và đất với bà Th1 như lời trình bày của ông. Tại phiên tòa ông L có cung cấp đoạn ghi âm chồng bà Th1 nói chuyện nhưng ông B chồng bà Th1 cho rằng ông L và vợ ông L tên Đ tổ chức ghi âm ông trong lúc say rượu và nội dung đoạn ghi âm cũng không thể hiện rõ ràng có việc hoán đổi bò và đất. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông L được hưởng kỷ phần thừa kế phần thửa đất 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An của bà Th1.

[2.5]. Theo phân tích tại các phần [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4] nêu trên nên cách phân chia di sản quyền sử dụng đất cụ Phạm Thị K chết để lại như sau: Diện tích đo đạc thực tế tại thửa 89 là 1.181m^2 giá 583.710.400 đồng, thửa 96 diện tích 823,7m^2 giá 1.418.547.200; thửa 109 diện tích 2.296m^2 giá 3.910.088.000 đồng. Loại đất Lúa. Giấy chứng nhận do cụ Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 15/4/1996; các thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005 qua đo đạc thực tế có diện tích 20.270.9m^2 loại đất LUA giá 5.158.933.400 đồng. Tổng cộng di sản cụ K chết để lại 11.071.279.000 đồng. Ông L có yêu cầu tiếp tục thờ cúng cha mẹ, cậu và em gái nên cần tiếp tục để cho ông L thờ cúng và giao toàn bộ thửa đất 96 – TBĐ số 01 xã T cho ông L

được thừa hưởng; thửa 89 diện tích thực tế qua đo đạc diện tích 1.181m^2 loại đất Lúa có tiếp giáp đất bà S nên giao thửa đất này cho bà S cùng các con được hưởng có trị giá 583.710.400 đồng; thửa đất 109 có diện tích 2.296m^2 loại đất LUA có giá trị 3.910.088.000 cần chia cho ông Y, ông L và bà Th1 mỗi người 01 phần diện tích 765,33m^2. Phần của bà Th1 và ông Y đứng tên chung, phần ông L kê khai nhập chung thửa đất liền kề là thửa 96. Phần đất Đức Huệ gồm các thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005 qua đo đạc thực tế có diện tích 20.270.9m^2 loại đất LUA giá 5.158.933.400 đồng, phần này chia 05 phần bằng nhau mỗi người con cụ K một phần. Riêng ông L được hưởng thêm một phần là công sức đóng góp.

[3]Về chi phí thẩm định, định giá, lập bản vẽ: Tổng chi phí là 96.500.000 đồng. Số tiền này được chia thành 05 phần, chi bà S chịu 01 phần, ông Y chịu 01 phần, bà Th1 chịu 01 phần, ông L phải chịu 02 phần. Cụ thể: 96.500.000 đồng : 5 = 19.300.000 đồng. Như vậy bà S và các con phải chịu 19.300.000 đồng đã nộp xong; bà Th1 phải chịu 19.300.000 đồng đã nộp xong; ông Y phải chịu 19.300.000 đồng đã nộp xong. Buộc ông L phải nộp 38.600.000 đồng hoàn trả cho bà S, ông Y và bà Th1.

[4]Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà S và ông Y được miễn án phí, các ông bà Tr, Ng, L, Th1 và L phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 649, Điều 650, Điều 660, Điều 651, Điều 623, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Văn Y, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L và Nguyễn Thị S về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*" với ông Nguyễn Văn L.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc: "Tranh chấp hợp đồng trao đổi tài sản" về quyền sở hữu bò với quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Th1.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông 01 ha đất thuộc phần thửa 1566 và 1650 TBĐ số 3 tại Ấp 1, xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu công nhận các thửa đất 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An dùng vào việc thờ cúng.

5. Phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Phạm Thị K chết để lại như sau:

5.1.Ông Nguyễn Văn Y được thừa hưởng phần thửa 109 –TBĐ 01 xã T diện tích 765,3m^2 loại đất LUA tại khu C theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

5.2. Bà Nguyễn Thị Th1 được thừa hưởng phần thửa 109 –TBĐ 01 xã T diện tích 765,4m^2 loại đất LUA tại khu D theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị Th1 được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng k đứng tên chung quyền sử dụng đất phần thửa 109 TBĐ 01 xã T tại khu D và khu C tổng diện tích 1.530,7m^2. Vị trí đất được đính kèm Mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

5.3. Ông Nguyễn Văn L được thừa hưởng phần thửa 109 –TBĐ 01 xã T diện tích 765,3m^2 loại đất LUA tại khu B theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

5.4. Ông Nguyễn Văn L được thừa hưởng toàn bộ thửa 96 –TBĐ 01 xã T diện tích 823,7 m^2 loại đất LUA tại khu A theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh

trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

Ông Nguyễn Văn L được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng k nhập chung quyền sử dụng đất tại khu A và khu B quyền sử dụng đất phần thửa 109 TBĐ 01 xã T và trọn thửa 96 – TBĐ số 01 xã T tổng diện tích 1.589m^2. Vị trí đất được đính kèm Mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

5.5. Bà Nguyễn Thị S và các con Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L được thừa hưởng toàn bộ thửa 89 – TBĐ số 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An diện tích 1.181,6m^2. Loại đất LUA. Vị trí đất mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 31/01/2013.

Bà S và các con Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng k cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 89 – TBĐ số 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An diện tích 1.181,6m^2. Loại đất LUA theo quy định.

5.6. Ông Nguyễn Văn Y được thừa hưởng phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ 03 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An diện tích 4.054,9m^2 loại đất LUA tại khu A5, B5 theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 07/3/2013.

5.7. Bà Nguyễn Thị Th1 được thừa hưởng phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ 03 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An diện tích 4.054m^2 loại đất LUA tại khu A4, B4 theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 07/3/2013.

5.8. Bà Nguyễn Thị S cùng các con tên các con Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L được thừa hưởng phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ 03 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An diện tích 4.054m^2 loại đất LUA tại khu A3,B3 theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr

Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 07/3/2013.

5.9. Ông Nguyễn Văn L được thừa hưởng phần thửa 1566 và 1650 –TBĐ 03 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An diện tích 8.108m^2 loại đất LUA tại khu A1, B1, A2, B2 theo mãnh trích đo phân khu ngày 19/5/2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh phân khu dựa trên mãnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Tr Ngh lập được Chi nhánh Văn phòng đăng k đất đai huyện Đức Hòa duyệt ngày 07/3/2013.

Các ông bà Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị S và các con Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng k quyền sử dụng đất các thửa 1566 và 1650 –TBĐ 03 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo quy định.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do bà Phạm Thị K đứng tên gồm các thửa 109, 89, 96 tờ bản đồ 01 xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà K đứng tên được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/1996; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính tại thửa 1566 và 1650 –TBĐ số 3 xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An do bà Phạm Thị K đứng tên được UBND huyện Đức Huệ cấp ngày 20/4/2005.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: bà Nguyễn Thị Th1 phải chịu 19.300.000 đồng (đã nộp xong); ông Nguyễn Văn Y phải chịu 19.300.000 đồng (đã nộp xong); bà S và các con Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L phải chịu 19.300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L phải chịu 38.600.000 đồng. Ông L phải nộp lại số tiền này hoàn trả cho bà S, bà Th1 và ông Y.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

8.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 112.469.881 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 48.300.000 đồng theo các Bên lai số 0007252 ngày 14/11/2022 và Bên lai số 0008383 ngày 04/4/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Như vậy ông L phải nộp tiếp 64.169.881 đồng. Bà Nguyễn Thị Th1 phải nộp 75.546.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

28.500.000 đồng mà bà Th1 đã nộp theo Bên lai số 0007181 ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Như vậy bà Th1 phải nộp tiếp 47.046.380 đồng. Bà Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L liên đới nộp 41.798.790 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 28.500.000 đồng mà các ông bà đã nộp theo Bên lai số 0007180 ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Như vậy các ông bà Nguyễn Như Ng, Nguyễn Bảo Tr, Nguyễn Th L phải nộp thêm 13.298.790 đồng. Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Y được miễn án phí.

9. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yếtđể yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Đổi – Nguyễn Thị Rạt	**Nguyễn Thị Mộng Thúy**